

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2012
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch
Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch
Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên
Ông Hồ Nghĩa Tín	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Toàn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hồ Nghĩa Tín	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thảo Sương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đăng Phong	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2012

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 26. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Hoàng Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1472/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 8 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾP DANA - ÝĐường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		567.746.382.162	737.274.583.283
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.331.299.160	54.832.362.923
1. Tiền	111		1.608.901.308	51.052.362.923
2. Các khoản tương đương tiền	112		722.397.852	3.780.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.814.051.592	102.541.068.756
1. Phải thu khách hàng	131		13.661.291.773	86.399.490.738
2. Trả trước cho người bán	132		20.708.772.792	16.840.845.109
3. Các khoản phải thu khác	135		1.366.065.027	222.810.909
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(922.078.000)	(922.078.000)
III. Hàng tồn kho	140	5	515.432.120.464	539.694.168.991
1. Hàng tồn kho	141		515.432.120.464	539.694.168.991
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.168.910.946	40.206.982.613
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.272.351.579	5.595.389.574
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	34.406.800.209
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		139.158.082	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.757.401.285	204.792.830
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		895.827.718.664	819.631.345.809
I. Tài sản cố định	220		893.478.318.866	817.383.678.946
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	163.460.412.987	176.332.506.703
- Nguyên giá	222		248.361.251.541	247.858.290.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.900.838.554)	(71.525.783.475)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	68.012.294.390	68.022.004.892
- Nguyên giá	228		68.063.179.059	68.063.179.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.884.669)	(41.174.167)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	662.005.611.489	573.029.167.351
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.600.000.000	1.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	9	1.600.000.000	1.600.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		749.399.798	647.666.863
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		749.399.798	647.666.863
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 =100+200)	270		1.463.574.100.826	1.556.905.929.092

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.106.985.567.037	1.207.376.925.482
I. Nợ ngắn hạn	310		696.798.369.031	842.759.439.890
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	488.059.113.002	432.246.934.792
2. Phải trả người bán	312		120.762.710.418	316.376.515.017
3. Người mua trả tiền trước	313		67.342.256.915	59.699.793.168
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	4.975.398.211	14.365.757.568
5. Phải trả người lao động	315		1.922.442.098	4.559.794.238
6. Chi phí phải trả	316		2.918.669.001	541.852.868
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	8.048.197.560	13.364.088.101
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.769.581.826	1.604.704.138
II. Nợ dài hạn	330		410.187.198.006	364.617.485.592
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	410.187.198.006	364.617.485.592
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		356.588.533.789	349.529.003.610
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	356.588.533.789	349.529.003.610
1. Vốn điều lệ	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.175.100.000	37.175.100.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.395.287.553	8.395.287.553
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.984.446.120	8.395.287.553
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.589.158.567	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		97.444.541.549	95.563.328.504
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.463.574.100.826	1.556.905.929.092

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	30/6/2012	31/12/2011
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	VND	54.544.391.800	51.231.721.471
2. Ngoại tệ các loại	USD	841,03	366.150,73

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2012

Trần Mai Thị Bé Liệu
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	525.354.575.961	401.921.349.517
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.238.846.700	17.329.827
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		524.115.729.261	401.904.019.690
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	481.172.916.611	343.021.308.148
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		42.942.812.650	58.882.711.542
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.641.862.928	2.592.118.765
7. Chi phí tài chính	22	17	27.071.867.221	18.977.199.916
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.251.329.831	13.825.356.147
8. Chi phí bán hàng	24		3.333.003.033	1.289.786.828
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.269.817.438	8.444.818.513
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		7.909.987.886	32.763.025.050
11. Thu nhập khác	31	18	3.432.931.287	5.854.339.204
12. Chi phí khác	32		283.677.589	184.378.363
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.149.253.698	5.669.960.841
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=40+30)	50		11.059.241.584	38.432.985.891
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	1.499.711.405	5.229.429.176
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		9.559.530.179	33.203.556.715
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	478	1.660

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2012

Trần Mai Thị Bé Liệu
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - ÝĐường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012**MẪU SỐ B 03-DN**
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.059.241.584	38.432.985.891
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	13.384.765.581	12.307.930.246
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(546.912.257)	(827.464.433)
Chi phí lãi vay	06	26.251.329.831	13.825.356.147
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	50.148.424.739	63.738.807.851
Biến động các khoản phải thu	09	68.224.327.700	22.346.209.198
Biến động hàng tồn kho	10	22.128.945.918	(151.949.867.083)
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(209.602.032.914)	(6.845.599.066)
Biến động chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	24.936.338.732	(8.556.948.451)
Tiền lãi vay đã trả	13	(46.015.863.753)	(16.552.818.815)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.826.594.130)	(1.253.871.652)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.335.122.312)	(863.443.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(96.341.576.020)	(99.937.531.443)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(57.590.980.088)	(114.984.470.168)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(75.190.049.728)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	75.190.049.728
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	49.601.721	827.464.433
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(57.541.378.367)	(114.157.005.735)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	852.728.168.307	498.759.382.647
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(751.346.277.683)	(324.814.040.263)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	101.381.890.624	173.945.342.384
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(52.501.063.763)	(40.149.194.794)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	54.832.362.923	40.880.080.203
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.331.299.160	730.885.409

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Thông tin bổ sung cho khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 17.749.295.612 đồng (năm 2011: 20.983.028.961 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2012

Trần Mai Thị Bé Liệu
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý (gọi tắt là “Công ty”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203001911 ngày 27 tháng 02 năm 2008. Ngày 02 tháng 12 năm 2010, Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 số 0400605391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 200 tỷ đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với ngày giao dịch đầu tiên là ngày 11 tháng 5 năm 2010 và mã chứng khoán là DNY.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 957 (31 tháng 12 năm 2011 là 841).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại thép xây dựng; kinh doanh sắt thép; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp và gia công cơ khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 30/6/2012, vốn lưu động của Công ty bị thiếu hụt do công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 129.051.986.869 đồng và Công ty có khoản nợ dài hạn đến hạn trả của các hợp đồng vay là 71.488.766.000 đồng. Công ty cũng phát sinh dòng tiền âm từ hoạt động kinh doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 với số tiền là 96.341.576.020 đồng. Các vấn đề này chỉ ra sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản với cơ cấu nguồn vốn phù hợp, bao gồm kế hoạch tiếp tục huy động vốn từ các tổ chức tín dụng và các cổ đông. Tại ngày 30/6/2012, các tổ chức tín dụng đã có biên bản cuộc họp đồng ý về quan điểm chung xem xét cho Công ty vay bổ sung thêm vốn trung hạn dựa trên kết quả thẩm định hiệu quả của toàn bộ Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm với số vốn vay bổ sung dự kiến là 100 tỷ đồng và các thành viên trong Hội đồng Quản trị cũng đã có biên bản họp thống nhất cho Công ty vay thêm 80 tỷ đồng. Bên cạnh đó, cùng với việc hoàn thành và đưa vào vận hành chính thức dây chuyền sản xuất mới được đầu tư từ đầu tháng 8 năm 2012, Ban Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh cuối năm 2012 và năm 2013 sẽ khả quan hơn và mang lại nguồn lợi nhuận hợp lý để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty. Theo đó, theo đánh giá của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2012
	đến ngày 30/6/2012
	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện: (i) Giá trị quyền sử dụng đất và (ii) Phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất: được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính: bao gồm chi phí mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí thuê pano quảng cáo. Chi phí công cụ, dụng cụ được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí thuê pano quảng cáo được phân bổ theo thời gian thuê thực tế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - ÝĐường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	73.519.530	315.264.018
Tiền gửi ngân hàng	1.535.381.778	50.737.098.905
Các khoản tương đương tiền	722.397.852	3.780.000.000
	<u>2.331.299.160</u>	<u>54.832.362.923</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty đã thế chấp toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

5. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	53.864.520.589	35.131.299.293
Nguyên liệu, vật liệu	326.306.605.626	331.405.662.431
Công cụ, dụng cụ	4.344.386.471	3.279.934.799
Thành phẩm	130.788.398.508	169.877.272.468
Hàng hóa	128.209.270	-
	<u>515.432.120.464</u>	<u>539.694.168.991</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10, toàn bộ thành phẩm luyện, thành phẩm cán, và nguyên liệu tại ngày 30/6/2012 được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà xưởng và vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	79.201.343.507	153.765.659.646	12.799.379.957	2.091.907.068	247.858.290.178
Mua sắm mới	-	115.000.000	353.054.545	34.906.818	502.961.363
Tại ngày 30/6/2012	<u>79.201.343.507</u>	<u>153.880.659.646</u>	<u>13.152.434.502</u>	<u>2.126.813.886</u>	<u>248.361.251.541</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	12.227.452.396	53.487.831.485	4.597.139.769	1.213.359.825	71.525.783.475
Khấu hao trong kỳ	2.129.707.926	9.939.333.543	1.078.546.296	227.467.314	13.375.055.079
Tại ngày 30/6/2012	<u>14.357.160.322</u>	<u>63.427.165.028</u>	<u>5.675.686.065</u>	<u>1.440.827.139</u>	<u>84.900.838.554</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2012	<u>64.844.183.185</u>	<u>90.453.494.618</u>	<u>7.476.748.437</u>	<u>685.986.747</u>	<u>163.460.412.987</u>
Tại ngày 01/01/2012	<u>66.973.891.111</u>	<u>100.277.828.161</u>	<u>8.202.240.188</u>	<u>878.547.243</u>	<u>176.332.506.703</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 và 13, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định là nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản cố định khác để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	67.966.074.059	97.105.000	68.063.179.059
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/6/2012	67.966.074.059	97.105.000	68.063.179.059
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	-	41.174.167	41.174.167
Khấu hao trong kỳ	-	9.710.502	9.710.502
Tại ngày 30/6/2012	-	50.884.669	50.884.669
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	67.966.074.059	46.220.331	68.012.294.390
Tại ngày 01/01/2012	67.966.074.059	55.930.833	68.022.004.892

Như đã trình bày tại các Thuyết minh số 10 và 13, Công ty đã thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại các lô A1, A2, A17, A18, C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7 tại khu Công nghiệp Thanh Vinh và các lô B15, B16, B17, tại cụm khu Công nghiệp Thanh Vinh mở rộng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 lần lượt là 21.583.146.303 đồng và 28.756.800.000 đồng (quyền sử dụng đất không thời hạn) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>30/6/2012</u> VND	<u>31/12/2011</u> VND
Nhà máy luyện 1	2.593.748.431	6.080.000
Xây dựng Nhà máy cán 2 (i)	434.983.052.101	369.851.369.051
Xây dựng Nhà máy luyện 2 (i)	224.136.620.814	200.757.365.184
Xây dựng cơ bản khác	292.190.143	2.414.353.116
	662.005.611.489	573.029.167.351

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu phản ánh chi phí liên quan đến Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm để sản xuất thép xây dựng D6-D32 với tổng mức đầu tư của dự án là khoảng 650 tỷ đồng.

- (i) Theo Báo cáo Kinh tế kỹ thuật về việc đầu tư dây chuyền luyện cán 2, sau quá trình chạy thử nóng dây chuyền, các thiết bị chính đã hoạt động đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Tuy nhiên, việc phối hợp đồng bộ giữa các khâu chưa đảm bảo yêu cầu. Vì vậy, dây chuyền này cần tiếp tục chạy thử nghiệm thu công suất đến hết tháng 6 năm 2012 và tiến hành sản xuất tích hợp cả hai dây chuyền Luyện - Cán 2 để nghiệm thu và kết thúc vào ngày 30 tháng 7 năm 2012.

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 là 11.510.665.829 đồng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã dùng các tài sản được hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn.

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Giá trị đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng với số tiền là 1.600.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (i)	147.877.000.000	179.330.000.000
- VND	147.877.000.000	179.330.000.000
- USD	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng (i)	148.521.395.968	119.862.677.794
- VND	130.894.173.442	55.618.100.700
- USD	17.627.222.526	64.244.577.094
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng (ii)	40.174.033.875	53.588.576.183
- VND	40.174.033.875	46.484.803.469
- USD	-	7.103.772.714
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân (iii)	79.997.907.159	29.009.896.815
- VND	29.017.908.050	26.128.236.792
- USD	50.979.999.109	2.881.660.023
Vay dài hạn đến hạn trả	71.488.776.000	50.455.784.000
(được trình bày ở Thuyết minh số 13)		
	<u>488.059.113.002</u>	<u>432.246.934.792</u>

- (i) Các khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng thể hiện các khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 125/2011/HĐTD ngày 09/6/2011 và phụ lục bổ sung ngày 09/6/2011 của Hợp đồng tín dụng số 42/2010/HĐTD ngày 09/4/2010. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 300 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh mở L/C là 240 tỷ VND. Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay bằng VND là 1,65%/tháng, bằng USD là 6%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, mức lãi suất cụ thể cho từng thời điểm nhận nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị của nhà máy sản xuất sắt thép, một số phương tiện vận tải và nguyên vật liệu trong kho với phạm vi bảo đảm là 70 tỷ VND. Số dư của khoản vay bằng VND tại ngày 30/06/2012 là 278.771.173.442 VND và số dư của khoản vay USD tại ngày 30/6/2012 là 846.323,51 USD tương đương 17.627.222.526 VND.
- (ii) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng thể hiện khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 11691005/HĐTD ngày 06/5/2011 và phụ lục bổ sung số 11691005 ngày 06/5/2011 của Hợp đồng tín dụng số 10691005/HĐTD ngày 05/5/2010. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 100 tỷ VND (hạn mức có thể chuyển đổi sang ngoại tệ theo tỷ giá tương ứng). Tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay bằng VND là 14,7%/năm, lãi suất cho vay bằng USD là 6,5%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, mức lãi suất cụ thể cho từng thời điểm nhận nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các lô đất số C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7, A1, A2, A17, A18 tại Khu công nghiệp Thanh Vinh và tài sản khác bao gồm giá trị hàng tồn kho với phạm vi đảm bảo là 50 tỷ đồng và thế chấp các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế trị giá 70 tỷ đồng. Số dư của khoản vay bằng VND tại ngày 30/6/2012 là 40.174.033.875 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

(iii) Các khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân thể hiện các khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2012/HĐ ngày 14 tháng 5 năm 2012. Hạn mức tín dụng của khoản vay này là 80 tỷ đồng (có thể chuyển sang ngoại tệ theo tỷ giá tương ứng). Thời hạn rút vốn của Hợp đồng là từ ngày ký đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2013. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng 100 tỷ VND số dư hàng tồn kho theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 001/2012/HĐ ngày 14 tháng 5 năm 2012 và toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác và các khoản phải thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng. Số dư của khoản vay tại ngày 30/6/2012 là 29.017.908.050 VND và 2.447.667,56 USD tương đương với 50.979.999.109 VND.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế GTGT phải trả	3.402.386.470	9.500.945.262
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.499.711.405	4.826.594.130
Thuế xuất nhập khẩu	30.629.916	34.220.930
Thuế thu nhập cá nhân	42.670.420	3.997.246
	<u>4.975.398.211</u>	<u>14.365.757.568</u>

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	6.342.144.689	6.525.158.781
Bà Phan Thị Thảo Sương	-	6.113.645.400
Công đoàn Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý	320.350.000	241.350.000
Phải trả khác	1.385.702.871	483.933.920
	<u>8.048.197.560</u>	<u>13.364.088.101</u>

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi (i)	51.825.149.414	87.881.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (ii)	60.585.421.592	73.484.269.592
- VND	36.799.845.592	45.199.845.592
- USD	23.785.576.000	28.284.424.000
Khoản vay đồng tài trợ (iii)	142.000.000.000	144.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (iv)	28.756.000.000	-
Ông Huỳnh Văn Tân - Chủ tịch HĐQT (v)	53.501.000.000	34.900.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương - Thành viên HĐQT (v)	106.811.000.000	74.808.000.000
Ông Nguyễn Hữu Toàn - Thành viên HĐQT (v)	25.159.403.000	-
Ông Hồ Nghĩa Tín - Thành viên HĐQT (v)	13.038.000.000	-
	<u>481.675.974.006</u>	<u>415.073.269.592</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (i) Khoản vay không đảm bảo từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi (trước đây là Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi - cổ đông sáng lập của Công ty) là khoản vay theo thỏa thuận với hạn mức tối thiểu là 85.000.000.000 VND trong thời gian 36 tháng kể từ ngày 4 tháng 4 năm 2011. Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại cùng thời điểm của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2011, theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 71/2011/BB-HĐQT ngày 10 tháng 8 năm 2011 thống nhất điều chỉnh lãi suất của khoản vay này bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tại cùng thời điểm. Lãi vay được trả vào ngày cuối cùng của tháng tính theo số dư nợ thực tế đến ngày trả nợ. Gốc vay có thể trả vào cuối kỳ hạn vay. Số dư của khoản vay này tại ngày 30/6/2012 là 51.825.149.414 VND.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phản ánh khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 157/2009/HĐTD ngày 19/5/2009 cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm với Công ty với số tiền là 100 tỷ VND. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày 19/9/2009. Lãi suất của khoản vay được xác định tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là 0,875%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, lãi suất được điều chỉnh hàng năm tại hai thời điểm là ngày 30/6 và ngày 31/12 theo quy định lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Lãi được thanh toán vào ngày cuối cùng hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm nhà xưởng, máy móc, thiết bị của Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm. Số dư của khoản vay này tại ngày 30/6/2012 là 36.779.845.592 VND và 1.142.000 USD tương đương 23.785.576.000 VND.
- (iii) Ngày 17/8/2010, các Ngân hàng đồng tài trợ (bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Châu, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh (trong đó Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Đà Nẵng là Ngân hàng đầu mối) cùng ký kết Hợp đồng tài trợ số 01/2010/NHTM-HĐTD để tài trợ vốn cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm giai đoạn 2 với Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý với số tiền là 145 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên (ngày 16/9/2010). Lãi suất của khoản vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau (bình quân của các bên đồng tài trợ) + 4,5%/năm, nhưng không vượt quá lãi suất cho vay tối đa từng thời kỳ theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có) hoặc chỉ đạo của hội sở chính các bên tham gia đồng tài trợ. Lãi suất được điều chỉnh mỗi năm 4 lần vào các ngày 01/01; 01/4; 01/7; 01/12. Lãi được thanh toán vào ngày cuối cùng hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm nhà xưởng, máy móc và thiết bị của Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm và Công ty cam kết sử dụng nguồn khấu hao và lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh của Dự án để ưu tiên trả nợ cho khoản vay. Số dư khoản vay này tại ngày 30/6/2012 là 142.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) phản ánh khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số DAN.DN.030050612/TT ngày 08/06/2012 cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm với số tiền là 50 tỷ VND. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất của khoản vay được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất theo quy định của Hợp đồng này hoặc Khế ước nhận nợ, trường hợp lãi suất trong hạn sau khi đã điều chỉnh thấp hơn lãi suất tối thiểu do ACB quy định trong từng thời kỳ thì lãi suất trong hạn được áp dụng là lãi suất tối thiểu tại thời điểm điều chỉnh.

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm quyền sở hữu các lô B15, B16, B17 Cụm Công nghiệp Thanh Vinh mở rộng trị giá 28.756.800.000 đồng; một số máy móc, thiết bị của Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm theo Hợp đồng số DAN.BDDN.03.050612/TT; 1 triệu cổ phiếu của Công ty với giá trị 10.000.000.000 đồng; 2.450.000 cổ phiếu của bà Phan Thị Thảo Sương với trị giá 24.500.000.000 đồng; hàng tồn kho của Công ty bình quân trị giá tối thiểu 30.000.000.000 đồng theo sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo hàng tồn kho của Công ty định kỳ cung cấp cho ACB.

- (v) Khoản vay dài hạn từ ông Huỳnh Văn Tân, bà Phan Thị Thảo Sương, ông Hồ Nghĩa Tín và ông Nguyễn Hữu Toàn là khoản vay nhằm huy động vốn bổ sung cho Dự án Đầu tư dây chuyền Luyện Cán thép công suất 250.000 tấn/năm theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 71/2011/BB-HĐQT ngày 10 tháng 8 năm 2011; Biên bản số 98/2012/BB-HĐQT ngày 02 tháng 02 năm 2012. Theo nội dung thống nhất giữa các thành viên trong Hội đồng Quản trị, để giảm áp lực về lãi vay trong giai đoạn đầu tư cho Dự án, ông Huỳnh Văn Tân và bà Phan Thị Thảo Sương đồng ý chuyển một phần dư nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi sang nợ dài hạn của ông Tân và bà Sương với thời hạn nợ là 24 tháng. Khoản dư nợ này cùng với khoản cho vay thêm tạm thời không tính lãi đến hết tháng 6 năm 2012. Ngày 10 tháng 4 năm 2012, ông Huỳnh Văn Tân, bà Phan Thị Thảo Sương, ông Hồ Nghĩa Tín và ông Nguyễn Hữu Toàn thống nhất cho vay thêm mỗi thành viên 20 tỷ đồng để bổ sung cho Dự án tại Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 80/2012/BB-HĐQT. Công ty có thể luân chuyển trả nợ cho khoản vay này khi có nguồn thu và vay lại khi có nhu cầu để giảm bớt áp lực lãi vay. Tại ngày 30/06/2012, số dư của khoản vay từ ông Huỳnh Văn Tân là 53.501.000.000 VND, bà Phan Thị Thảo Sương là 106.811.000.000 VND, ông Hồ Nghĩa Tín là 13.038.000.000 VND và ông Nguyễn Hữu Toàn là 25.159.403.000 VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	71.488.776.000	50.455.784.000
Trong năm thứ hai	49.140.861.592	71.863.680.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	361.046.336.414	292.753.805.592
	<u>481.675.974.006</u>	<u>415.073.269.592</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	71.488.776.000	50.455.784.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>410.187.198.006</u>	<u>364.617.485.592</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	200.000.000.000	37.175.100.000	(423.801.274)	8.395.287.553	8.395.287.553	-	84.584.077.622	338.125.951.454
Tăng khác	-	-	7.046.140.333	-	-	-	-	7.046.140.333
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	51.783.171.352	51.783.171.352
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Giảm khác	-	-	(6.622.339.059)	-	-	-	(803.920.470)	(7.426.259.529)
Tại ngày 01/01/2012	200.000.000.000	37.175.100.000	-	8.395.287.553	8.395.287.553	-	95.563.328.504	349.529.003.610
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	9.559.530.179	9.559.530.179
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2011	-	-	-	-	2.589.158.567	2.589.158.567	(5.178.317.134)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tại ngày 30/6/2012	200.000.000.000	37.175.100.000	-	8.395.287.553	10.984.446.120	2.589.158.567	97.444.541.549	356.588.533.789

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 số 0400605391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/12/2010, vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/6/2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Số vốn thực góp tại ngày 30/6/2012		Số vốn thực góp tại ngày 31/12/2011	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi (trước đây là Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi)	80.400.000.000	40,2	80.400.000.000	40,2	80.400.000.000	40,2
Các cổ đông khác	119.600.000.000	59,8	119.600.000.000	59,8	119.600.000.000	59,8
	200.000.000.000	100,0	200.000.000.000	100,0	200.000.000.000	100,0

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**b. Trích lập các quỹ**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 số 85/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2012, Công ty đã thông qua phương án trích lập các quỹ năm 2011 như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 2.589.158.567 đồng
- Quỹ đầu dự trữ bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 2.589.158.567 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 2.500.000.000 đồng

Các khoản trích lập các quỹ nêu trên đã được Công ty thực hiện ghi nhận trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 số 85/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2012, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức với tỷ lệ 30% bằng cổ phiếu tương đương số tiền là 60 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2012, chưa có bất cứ văn bản nào của Công ty gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc trả cổ tức này.

Cũng theo nghị quyết này, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2012 với tỷ lệ là 20%.

d. Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	20.000.000	20.000.000
<i>Cổ phiếu thường (cổ phiếu)</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

15. DOANH THU

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu	525.354.575.961	401.921.349.517
+ <i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>525.242.734.007</i>	<i>401.870.567.517</i>
+ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>111.841.954</i>	<i>50.782.000</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.238.846.700	17.329.827
+ <i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>-</i>	<i>17.329.827</i>
+ <i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>1.238.846.700</i>	<i>-</i>
Doanh thu thuần	524.115.729.261	401.904.019.690

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hàng đã bán	481.073.998.503	343.021.308.148
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	98.918.108	-
	481.172.916.611	343.021.308.148

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	26.251.329.831	13.825.356.147
Lỗ chênh lệch tỷ giá	820.537.390	5.151.843.769
	27.071.867.221	18.977.199.916

18. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.312.421.386	3.240.557.778
Hàng phế liệu nhập thừa từ nhà cung cấp	-	2.016.645.549
Thu nhập khác	120.509.901	597.135.877
	3.432.931.287	5.854.339.204

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	11.059.241.584	38.432.985.891
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	361.501.044	388.705.361
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát</i>	<i>60.000.000</i>	<i>388.705.361</i>
<i>Chi phí không được khấu trừ khác</i>	<i>301.501.044</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	11.420.742.628	38.821.691.252
Thu nhập từ hoạt động chính được ưu đãi	10.843.794.012	35.807.949.099
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	576.948.616	3.013.742.153
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.855.185.657	9.705.422.813
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	1.355.474.252	4.475.993.637
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.499.711.405	5.229.429.176

(*) Đối với hoạt động chính là sản xuất các loại thép xây dựng, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000074 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03 tháng 12 năm 2008, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% cho hai năm tiếp theo. Năm 2009 và 2010 là 2 năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất ưu đãi, do đó, trong kỳ, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp (tương đương với mức thuế suất 12,5%).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	9.559.530.179	33.203.556.715
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	478	1.660

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 và số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.331.299.160	54.832.362.923
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.105.278.800	85.700.223.647
Tài sản tài chính khác	8.534.793.700	3.001.935.000
Tổng cộng	24.971.371.660	143.534.521.570
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	898.246.311.008	796.864.420.384
Phải trả người bán và phải trả khác	128.810.907.978	329.740.603.118
Chi phí phải trả	2.918.669.001	541.852.868
Tổng cộng	1.029.975.887.987	1.127.146.876.370

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2012	31/12/2011	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	180.757.692.438	322.231.841.900	8.552.282.140	82.937.152.860
Đô la Hồng Kông (HKD)	2.959.098.644	2.947.844.426	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/6/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	128.810.907.978	-	128.810.907.978
Các khoản vay	488.059.113.002	410.187.198.006	898.246.311.008
Chi phí phải trả	2.918.669.001	-	2.918.669.001
Tổng cộng	619.788.689.981	410.187.198.006	1.029.975.887.987
Tại ngày 31/12/2011			
Phải trả người bán và phải trả khác	329.740.603.118	-	329.740.603.118
Các khoản vay	432.246.934.792	364.617.485.592	796.864.420.384
Chi phí phải trả	541.852.868	-	541.852.868
Tổng cộng	762.529.390.778	364.617.485.592	1.127.146.876.370

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/6/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.331.299.160	-	2.331.299.160
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.105.278.800	-	14.105.278.800
Tài sản tài chính khác	8.534.793.700	-	8.534.793.700
Tổng cộng	24.971.371.660	-	24.971.371.660
Tại ngày 31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.832.362.923	-	54.832.362.923
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.700.223.647	-	85.700.223.647
Tài sản tài chính khác	3.001.935.000	-	3.001.935.000
Tổng cộng	143.534.521.570	-	143.534.521.570

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	25.717.906.012	144.425.816.964
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	5.590.981.000	1.993.733.805
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	6.916.484.882	43.116.805.046
Công ty Cổ phần Quảng cáo Sáng tạo Việt	742.400.000	1.088.594.831
Bán hàng hóa		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	29.220.175.589	8.742.313.517
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	16.302.502.000	19.919.564.193
Thông báo cổ tức	-	40.000.000.000
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	613.777.384	797.973.328
Lãi vay phát sinh trong kỳ		
Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi	1.129.248.486	645.818.623

Số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải thu thương mại		
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	-	981.795.100
Ứng trước cho nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	-	13.726.901.835
Công ty Cổ phần Quảng cáo Sáng tạo Việt	-	238.000.000
Phải trả thương mại		
Công ty Cổ phần Quảng cáo Sáng tạo Việt	180.400.000	85.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	3.962.022.213	4.310.940.776
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	873.983.000	1.567.804.290
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	40.708.663.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	14.600.502.285	29.766.000.000
Vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	60.585.421.592	87.881.000.000
Ông Huỳnh Văn Tân - Chủ tịch HĐQT	53.501.000.000	34.900.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương - Thành viên HĐQT	106.811.000.000	74.808.000.000
Ông Hồ Nghĩa Tín - Thành viên HĐQT, TGĐ	13.038.000.000	-
Ông Nguyễn Hữu Toàn - Thành viên HĐQT	25.159.403.000	-
Vay vốn lưu động phải trả bà Phan Thị Thảo Sương	-	6.113.645.400
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	6.342.144.689	6.525.158.781
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	112.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét.

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2012

Trần Mai Thị Bé Liệu
Kế toán trưởng